

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Tùng.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lâm Kim Mến

2. Bà Trần Thị Tuyết Ngọc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Đăng - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 7, xã Long T, huyện Cai L, tỉnh Tiền G.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh B, xã Gia H1, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:*** Bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2016 tại xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp Vĩnh B, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình

không hợp, bất đồng quan điểm. Nên bà Nguyễn Thị Ngọc N về nhà cha mẹ ruột ở ấp 7, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang sinh sống. Nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng chưa có con. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P:* Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn P chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự dù đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn P.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc N; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Nguyễn Văn P không có ý kiến trả lời, nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn P.

[2] Về nội dung: Bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2016 tại xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp Vĩnh B, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc

Trăng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Nên bà Nguyễn Thị Ngọc N về nhà cha mẹ ruột ở ấp 7, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang sinh sống. Nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn xảy ra vào năm 2017, đã hơn 03 năm nay hai bên vẫn không có thiện chí tìm cách hàn gắn đoàn tụ. Từ đó tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông P không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn Văn Phan không có con chung do đó không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng bà N đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0008215, ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P thì thời gian kháng cáo

nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Long Trung,  
huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thanh Tùng**